

Bản án: 63/2021/HS-ST

Ngày: 29/4/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thạch Hùng

*Các Hội thẩm Nhân Dân:*

Ông Hồ Bá Võ

Ông Hồ Viết Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân Dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Mão - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2020/QĐXXST-HS ngày 28/12/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cụt Thị T; Sinh ngày: 17/6/1993; nơi ĐKNKTT: xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ mú; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Cụt Phò Đ, đã chết và bà Cụt Mẹ Đ, sinh năm 1956; chồng: chung sống như vợ chồng với Chích Văn H, sinh năm 1991; con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Phan Thị S, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Dung Sự và Cộng Sự, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**- Bị hại:** Chị Cụt Thị V, sinh năm 2000; trú tại: Bản N, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Đơn xin xử vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Cụt Văn Đ, sinh năm 1981; trú tại: Bản N, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụt Thị T, trú tại: bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An nhưng lấy chồng ở Trung Quốc. Khoảng tháng 4/2019, T điện thoại cho chị Cụt Thị V, sinh năm 2000, trú tại: bản Na Nhu, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An, rủ đi Trung Quốc lấy chồng. Do đang làm việc ổn định tại thành phố Hồ Chí Minh, nên chị V không đồng ý. Sau đó, T nhiều lần điện thoại cho chị V rủ rê đi Trung Quốc lấy chồng và hứa hẹn sẽ có tiền gửi về cho gia đình nên chị V đồng ý. T hẹn chị V đón xe ra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh sẽ có người đón, đưa sang nhà T ở Trung Quốc. Thống nhất xong, T liên lạc với một người phụ nữ tên Hồng ở thành phố Móng Cái (không rõ lai lịch, địa chỉ) nhờ đón chị V. Còn chị V bắt xe khách từ thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố Móng Cái thì liên lạc với người phụ nữ tên Hồng, rồi được một người đàn ông (không xác định được lai lịch, địa chỉ) đón sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch. Khi chị V sang đến bến xe An Giáng, Trung Quốc, thì T đến đón và đưa về nhà T ở. Khoảng 2 tháng sau, T bán chị V cho một người đàn ông ở tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc lấy về làm vợ với giá 3 vạn NDT (Tương đương 105.000.000 đồng). Số tiền đó, T nhờ Hoa Thị M, là chị gái của chị V cũng đang lấy chồng ở Trung Quốc gửi về cho gia đình chị V số tiền 2 vạn NDT (Tương đương 70.000.000 đồng), số còn lại T sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 29/6/2020, Cụt Thị V về Việt Nam và làm đơn tố cáo Cụt Thị T. Cùng ngày, Đoàn Biên phòng Mường Ải, Bộ đội Biên phòng Nghệ An thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Cụt Thị T.

Về vật chứng: Số tiền 1 vạn NDT (Tương đương 35.000.000 đồng) T đã chi tiêu cá nhân hết và chiếc điện thoại của T đã bị mất nên không thu giữ được.

Về dân sự: chị Cụt Thị V không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với người phụ nữ tên Hồng, người đàn ông ở Móng Cái liên quan đến việc đưa chị V sang Trung Quốc, do chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau;

Đối với Hoa Thị Mai là người đã chuyển tiền về cho gia đình chị V nhưng hiện M đang ở Trung Quốc, không xác định được địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau;

Trong vụ án này, vào khoảng tháng 6/2020, Cụt Thị T còn có hành vi đưa cháu Hoa Thị N, sinh ngày 28/12/2006, trú tại: bản P, xã T, huyện K, sang Trung Quốc, mục đích bán cho người Trung Quốc lấy chồng. Khi cháu N sang đến Trung Quốc, T đã gọi người đến xem mặt, nhưng do gia đình cháu N yêu cầu nên T đã đưa cháu N về. Quá trình điều tra, lời khai của cháu N và T có nhiều mâu thuẫn. Hiện, anh Hoa Phò N1, chị Hoa Thị M (anh trai, chị gái của cháu N) là những người trực tiếp yêu cầu Cụt Thị T đưa cháu N về và cháu Hoa Thị N đều không có mặt tại địa phương. Do đó, cơ quan điều tra đã tách hành vi này để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

- Tại bản Cáo trạng số 49/CT/VKS-P2 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát Nhân Dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố bị cáo Cụt Thị T về tội “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại

phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Cụt Thị T từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/6/2020. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về biện pháp T pháp: Do bị cáo kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định, miễn truy thu từ bị cáo Cụt Thị T 35.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Cụt Thị T không tranh luận về chứng cứ, tội danh, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, do vậy xử phạt mức án cho bị cáo thấp hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Bị cáo Cụt Thị T đồng ý với quan điểm của người bào chữa, không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Cụt Thị T nói lời sau cùng: Xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định và hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Cụt Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Vào tháng 4/2019, Cụt Thị T đã rủ rê chị Cụt Thị V sang Trung Quốc lấy chồng. Khoảng tháng 6/2019, T đã bán chị V cho một người đàn ông ở tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc lấy về làm vợ với giá 3 vạn NDT (Tương đương 105.000.000 đồng), T hưởng lợi số tiền 1 vạn NDT (Tương đương 35.000.000 đồng).

Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Cụt Thị T lừa gạt Cụt thị V sang Trung quốc, bán người bị hại để hưởng lợi về kinh tế, bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán người” với tình tiết định khung “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, vi phạm điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015, đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo.

Xét hành vi, tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo Cụt Thị T đã xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ danh dự, nhân phẩm của con người, bị cáo đã bất chấp truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc, gây bất bình, phẫn nộ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Vì vậy cần phải xét xử nghiêm.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt: Căn cứ nhận định trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[3] Về biện pháp ngăn chặn: Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/4/2021 của người bị hại Cụt thị V, không yêu cầu bồi bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Bị cáo bán người bị hại với giá 3 vạn NDT (Tương đương 105.000.000 đồng). Số tiền đó, T nhờ Cụt Thị M, là chị gái của chị V cũng đang lấy chồng ở Trung Quốc gửi về cho gia đình chị V số tiền 2 vạn NDT (Tương đương 70.000.000 đồng), còn lại 1 vạn NDT (Tương đương 35.000.000đồng) bị cáo T sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Xét Số tiền 2 vạn NDT (Tương đương 70.000.000 đồng) mà chị Cụt Thị V gửi về cho ông Cụt Văn Đ là bố của người bị hại, tuy nhiên ông Đ không biết đây là số tiền mà T bán V và đã tiêu xài hết, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xét thấy không cần truy thu số tiền này.

Đối với số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) bị cáo Cụt Thị T thu lợi bất chính từ việc bán chị Cụt Thị V do phạm tội mà có, số tiền này bị cáo đã sử dụng chi tiêu cho cá nhân hết, nay cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra không thu giữ vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố bị cáo Cụt Thị T phạm tội “Mua bán người”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Cụt Thị T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam ngày 29/6/2020.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Cụt Thị T.

2. Biện pháp T pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự.

Truy thu của bị cáo Cụt Thị T số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cụt Thị T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

### ***Nơi nhận:***

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cục THA tỉnh Nghệ An;
- Sở T pháp tỉnh Nghệ An;
- Người TGTT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thạch Hùng**